

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ VANG
Số: 3537 /QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Phú Vang, ngày 21 tháng 10 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ
khi Nhà nước thu hồi đất để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án:
Trạm biến áp 110Kv Vinh Thanh và đầu nối tại TT Phú Đa, huyện Phú Vang

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ Về việc Sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, Quy định bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 36/2021/QĐ-UBND ngày 21/6/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế;

Căn cứ Quyết định số 64/2014/QĐ-UBND ngày 25/9/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh, ban hành Quy định về trình tự, thủ tục thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế;

Căn cứ Quyết định số 399/QĐ-UBND ngày 22/4/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện Phú Vang;

Căn cứ Quyết định số 80/2019/QĐ-UBND ngày 21/12/2019 của UBND tỉnh Ban hành Bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế áp dụng trong thời gian 5 năm (2020-2024);

Căn cứ Quyết định số 65/2020/QĐ-UBND ngày 21/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban hành đơn giá nhà, công trình, vật kiến trúc và các loại mô mã trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 44/2020/QĐ-UBND ngày 14/8/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh, Quy định đơn giá cây trồng, vật nuôi thủy sản làm cơ sở làm cơ sở xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế;

Căn cứ Quyết định số 2867/QĐ-BCT ngày 14/8/2018 của Bộ Công thương về việc phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng tiểu dự án: Trạm biến áp 110 Kv Vinh Thanh và đầu nối thuộc dự án: Lưới điện hiệu quả tại các thành phố vừa và nhỏ, sử dụng vốn vay ODA của Chính phủ Đức (dự án thành phần 2, giai đoạn 2);

Căn cứ Quyết định số 1180/QĐ-UBND ngày 19/5/2021 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất để tính tiền bồi thường khi nhà

nước thu hồi đất thực hiện các công trình, dự án trong năm 2021 trên địa bàn huyện Phú Vang;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện tại Tờ trình số 1043/TTr-TNMT ngày 20/10/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Trạm biến áp 110Kv Vinh Thanh và đầu nối tại TT Phú Đa, huyện Phú Vang với các nội dung chính sau:

1. Về đối tượng được bồi thường, hỗ trợ là: Mười hai (12) hộ gia đình, cá nhân;
2. Phương án bồi thường, hỗ trợ: Tổng chi phí chi trả là: **149.117.000 đồng** (Một trăm bốn mươi chín triệu, một trăm mười bảy ngàn đồng chẵn).

* Chi tiết về chi phí bồi thường, hỗ trợ được thể hiện rõ tại Phụ lục đính kèm.

* Kinh phí bồi thường, hỗ trợ nói trên do Ban Quản lý dự án Điện Nông thôn Miền Trung chi trả thông qua Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện.

* Số liệu hạng mục về bồi thường, hỗ trợ nói trên do Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện xác định.

Điều 2. Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện phối hợp với Ủy ban nhân dân TT Phú Đa thực hiện niêm yết công khai nội dung Quyết định này tại trụ sở Ủy ban nhân dân TT Phú Đa; tổ chức chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho đối tượng được phê duyệt theo nội dung ghi tại Điều 1 của Quyết định này theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân, Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch, Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện, Giám đốc Ban Quản lý dự án Điện Nông thôn Miền Trung, Chủ tịch Ủy ban nhân dân TT Phú Đa, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan và các hộ gia đình, cá nhân có tên tại Phụ lục đính kèm chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- CT, PCT UBND huyện;
- Lưu VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Chính

Phụ lục:

PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT THỰC HIỆN DỰ ÁN TRẠM BIẾN ÁP 110 KV VINH THANH VÀ ĐẤU NỔI TẠI TT PHÚ ĐÀ, HUYỆN PHÚ VANG

(Kèm theo Quyết định số 3537/QĐ-UBND ngày 24 / 10 /2021 của UBND huyện về việc phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án: Trạm biến áp 110Kv Vinh Thanh và đấu nối tại TT Phú Đa, huyện Phú Vang)

Số TT	Đối tượng/Hạng mục được bồi thường, hỗ trợ	ĐVT	Mã số	Giá trị bồi thường, hỗ trợ				
				Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số điều chỉnh	Hệ số vùng	Thành tiền (đồng)
A	Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ							149.117.000
1	Đào Thị Bưởi							4.698.000
	Cây Keo (d=7-10cm)	đ/cây	-	65,00	48.310	1,0	1,00	3.140.000
	Cây Keo (d=10-15cm)	đ/cây	-	37,00	42.110	1,0	1,00	1.558.000
2	Đào Vương Vũ							14.330.000
	Cây Keo (d=7-10cm)	đ/cây	-	233,00	48.310	1,0	1,00	11.256.000
	Cây Keo (d=13-15cm)	đ/cây	-	73,00	42.110	1,0	1,00	3.074.000
3	Phan Thị Cam							12.068.000
	Cây Keo (d=7-10cm)	đ/cây	-	201,00	48.310	1,0	1,00	9.710.000
	Cây Keo (d=13-15cm)	đ/cây	-	56,00	42.110	1,0	1,00	2.358.000
4	Mai Bá Châu							2.174.000
	Cây Keo (d=7-10cm)	đ/cây	-	45,00	48.310	1,0	1,00	2.174.000
5	Phan Chiêu							11.900.000
	Cây Keo (d=7-10cm)	đ/cây	-	201,00	48.310	1,0	1,00	9.710.000
	Cây Keo (d=13-15cm)	đ/cây	-	52,00	42.110	1,0	1,00	2.190.000
6	Nguyễn Mão							1.546.000
	Cây Keo (d=7-10cm)	đ/cây	-	32,00	48.310	1,0	1,00	1.546.000
7	Nguyễn Thị Cẩm							7.000
	Cây Lúa	đ/m2	-	1,95	3.600	1,0	1,00	7.000
8	Đào Duy Ngô							25.942.000
	Cây Keo (d=7-10cm)	đ/cây	-	537,00	48.310	1,0	1,00	25.942.000
9	Đoàn Thị Chữ							5.422.000
	Cây Keo (d=7-10cm)	đ/cây	-	107,00	48.310	1,0	1,00	5.169.000
	Cây Keo (d=13-15cm)	đ/cây	-	6,00	42.110	1,0	1,00	253.000
10	Đào Duy Lợi							14.251.000
	Cây Keo (d=7-10cm)	đ/cây	-	295,00	48.310	1,0	1,00	14.251.000
11	Phan Lợi							12.479.000
	Cây Keo (d=7-10cm)	đ/cây	-	206,00	48.310	1,0	1,00	9.952.000
	Cây Keo (d=13-15cm)	đ/cây	-	60,00	42.110	1,0	1,00	2.527.000
12	Phan Thanh							44.300.000
	Cây Keo (d=7-10cm)	đ/cây	-	917,00	48.310	1,0	1,00	44.300.000
B	Tổng cộng:							149.117.000

Bằng chữ: Một trăm bốn mươi chín triệu, một trăm mười bảy ngàn đồng chẵn

